CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam

Ngày 30/09/2025	18,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.4%	**19.9%**	**146.1**

DT thuần
Q3/25
5,873
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5,831|
YoY: ▲ 5,835| 15520%

LN thuần
Q3/25
295
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 296| 33262%
YoY: ▲ 292| 10441%

LN sau thuế
Q3/25
216
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 217| 14710%
YoY: ▲ 214| 9640%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.0%
YoY: +/-▲ 8.7%

ROE (TTM)
Q3/25
19.9%
YoY: +/-▲ 18.8%

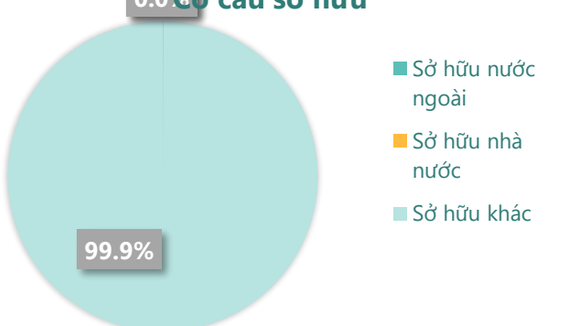
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,600 - 24,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,476
Số lượng CPLH (CP)	78,907,276
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130,150
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.05)
EPS	2,843
P/E	6.6

DT thuần
9T 2025
5,957
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5,850| 5472%

LN thuần
9T 2025
297
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 292| 5904%

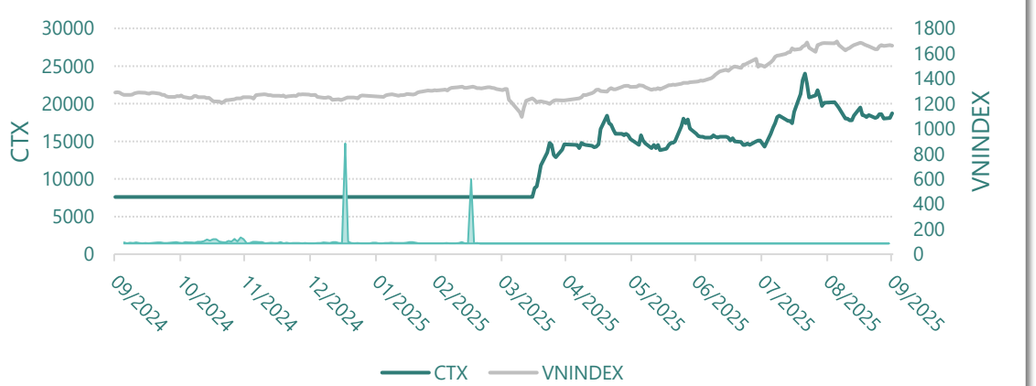
LN sau thuế
9T 2025
217
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 213| 5747%

Cơ cấu sở hữu

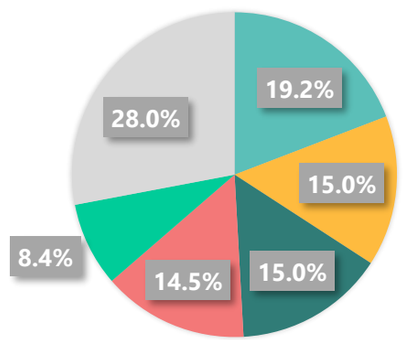


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



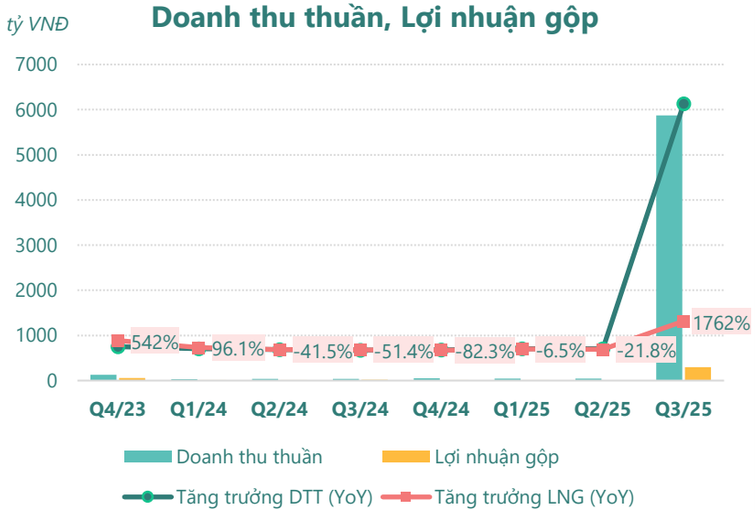
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

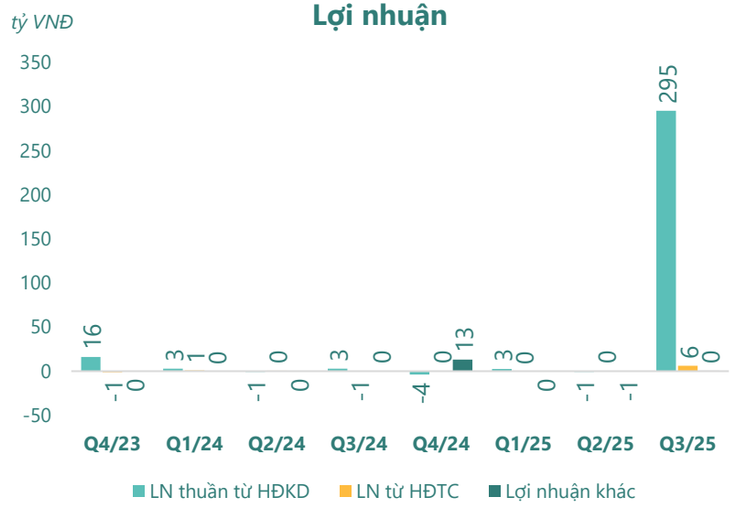
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



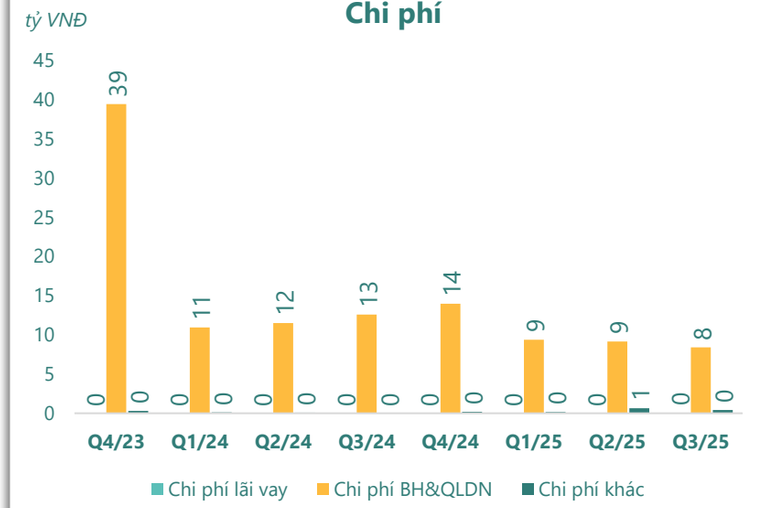
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



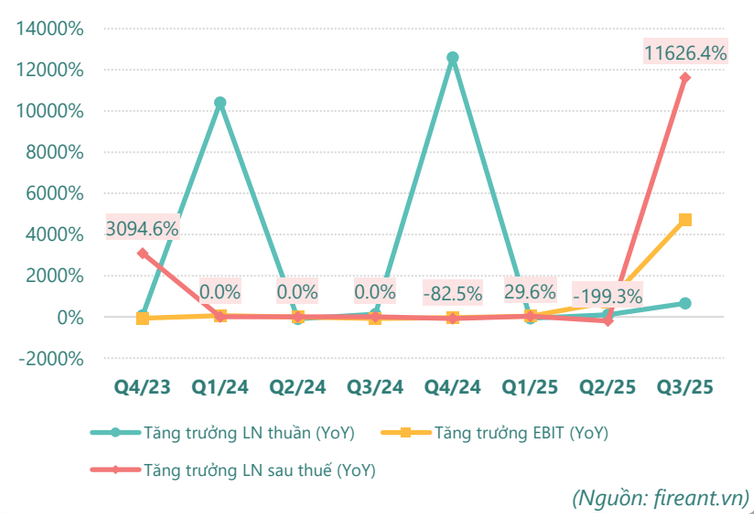
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



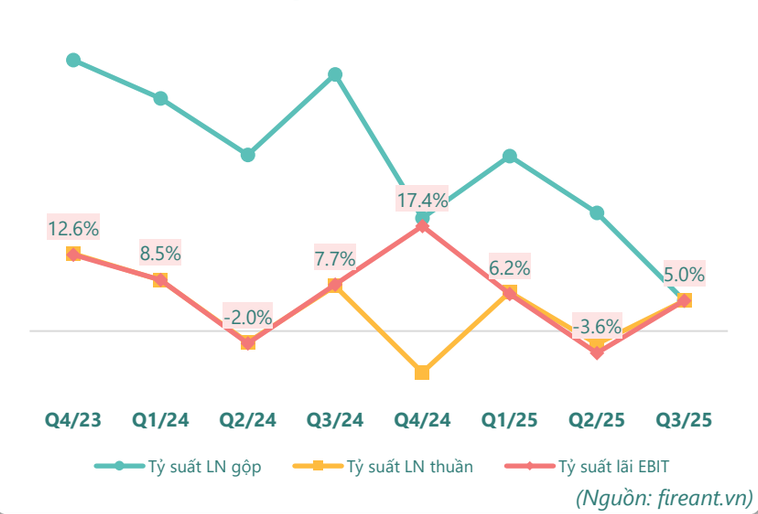
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



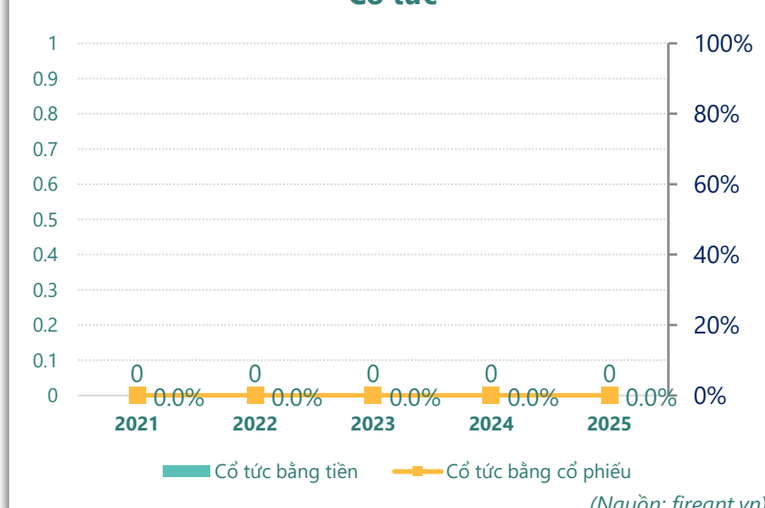
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

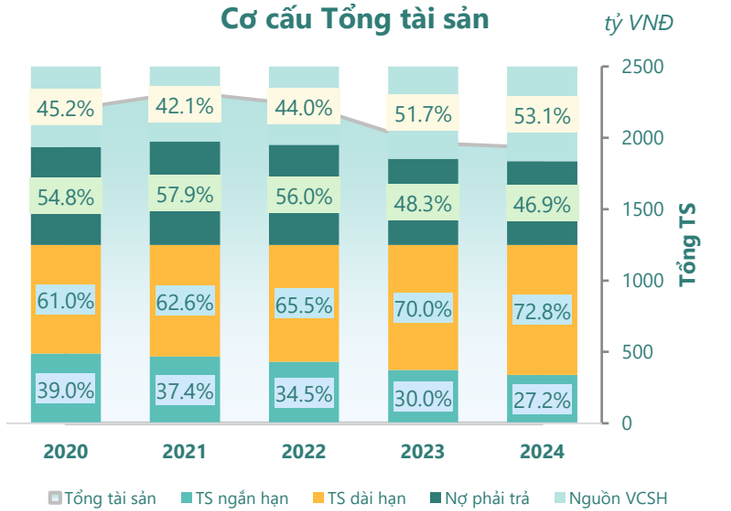
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

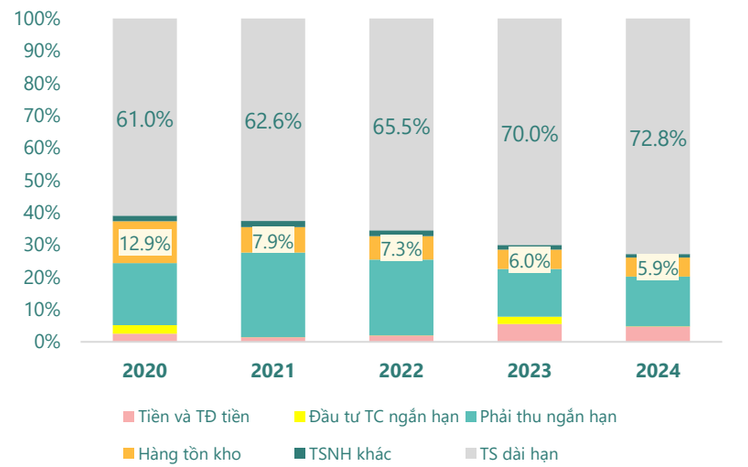
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



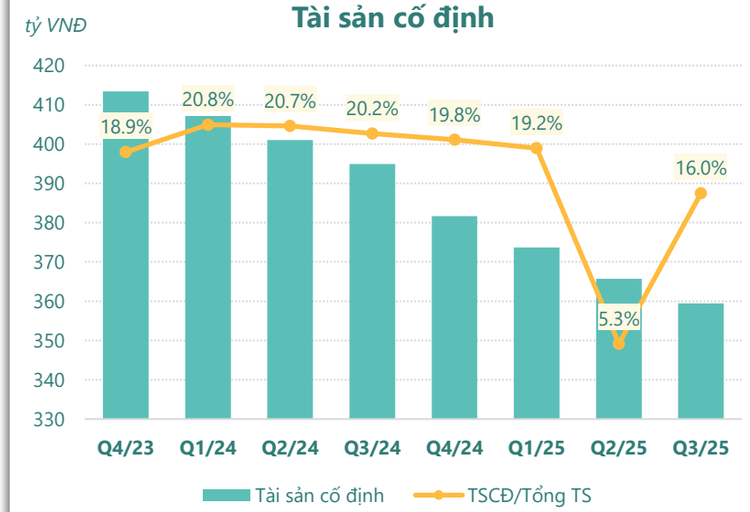
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



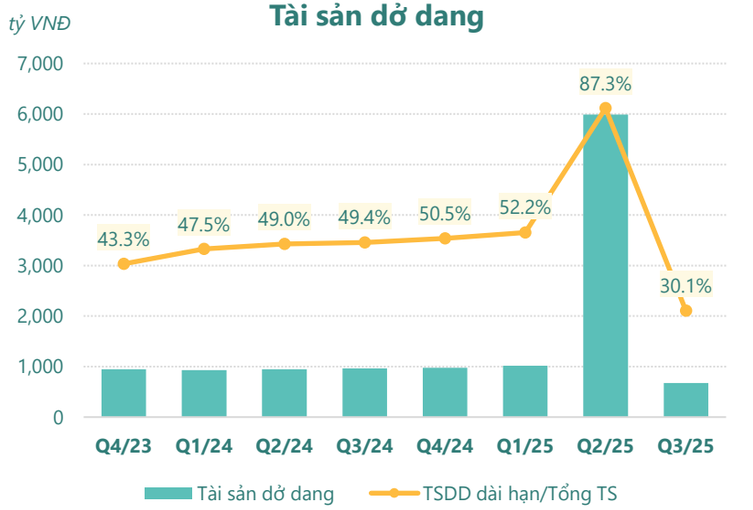
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



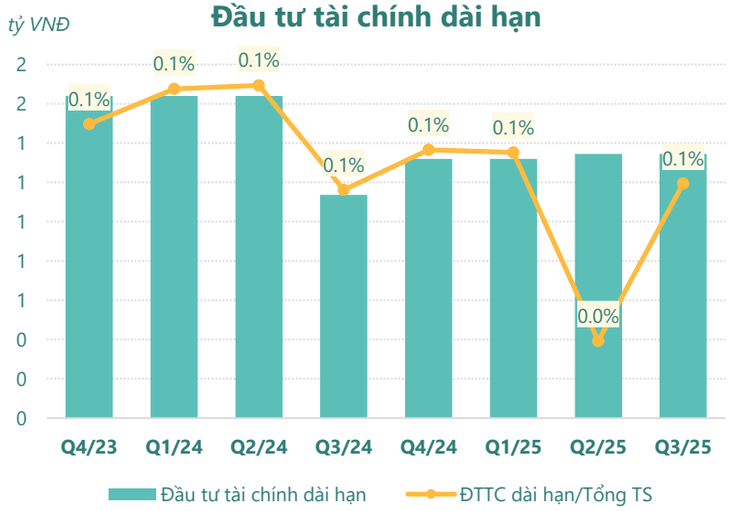
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



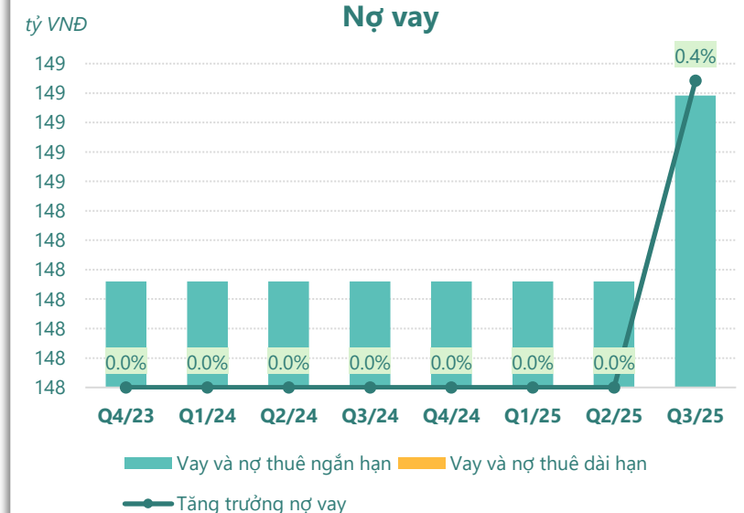
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

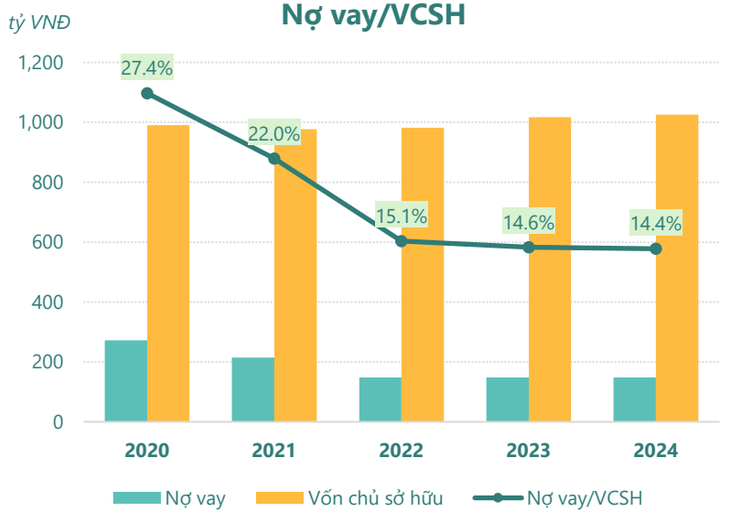
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

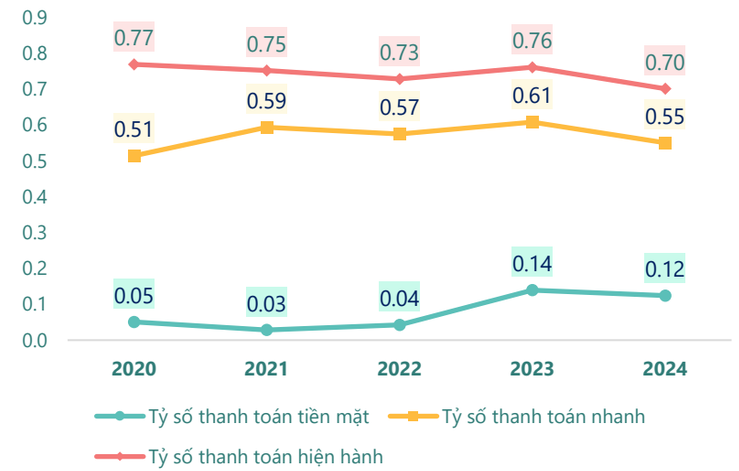
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



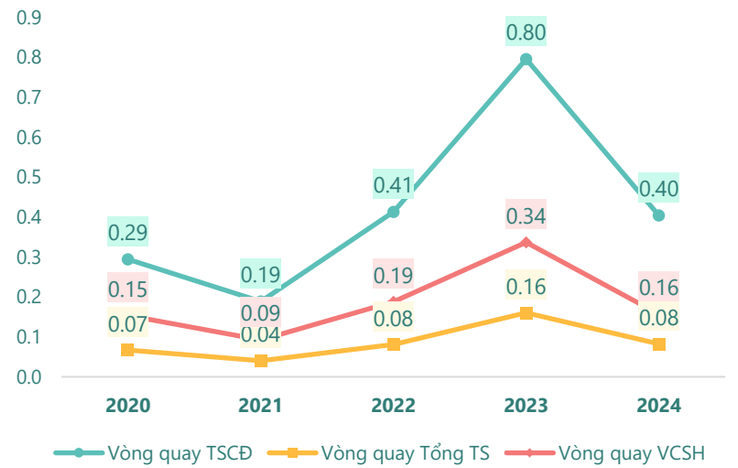
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



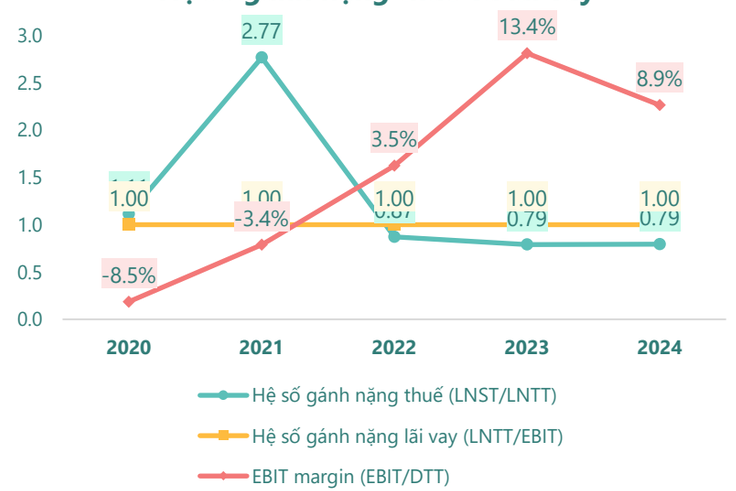
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



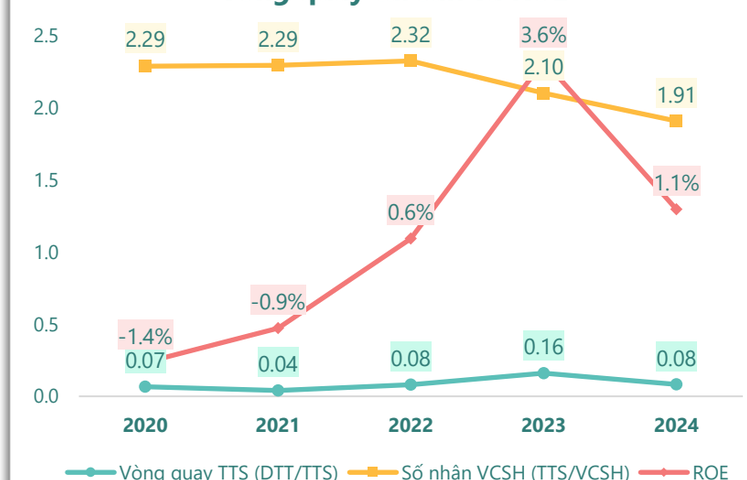
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



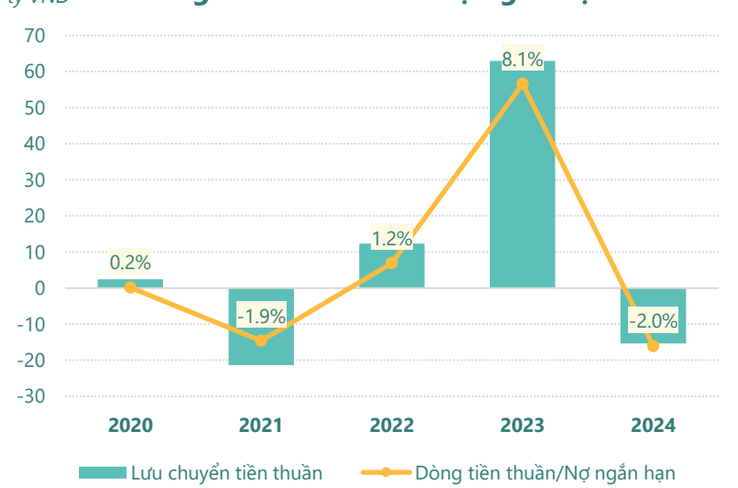
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5,873**	**37.6**	**15520%**	**5,957**	**107**	**5472%**
Giá vốn hàng bán	5,576	21.6	25714%	5,639	67.6	8239%
Lợi nhuận gộp	297	16.0	1758%	318	39.3	708%
Doanh thu HĐTC	6.33	0.05	12566%	6.40	1.35	374%
Chi phí TC	0.09	0.63	-86.3%	0.04	0.63	-94.2%
Chi phí lãi vay	0.09	0.00		0.09	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.80	3.32	-45.7%	5.40	9.54	-43.4%
Chi phí QLDN	**6.62**	**9.27**	**-28.6%**	**21.6**	**25.5**	**-15.5%**
LN thuần từ HĐKD	295	2.80	10441%	297	4.94	5904%
Lợi nhuận khác	**0.38**	**0.10**	**278%**	**-0.37**	**0.04**	**-1083%**
LN trước thuế	296	2.89	10126%	297	4.98	5852%
Lợi nhuận sau thuế	**216**	**2.22**	**9640%**	**217**	**3.70**	**5747%**
LNST của CĐ cty mẹ	**216**	**2.22**	**9640%**	**217**	**3.73**	**5713%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	50.5	-16.5	27.6	27.7	4,921	-4,852
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.8	-18.4	-10.1	-40.4	-4,972	4,858
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0.63
Tiền đầu kỳ	75.4	110	75.2	92.7	80.1	29.2
Lưu chuyển tiền thuần	**34.7**	**-34.9**	**17.5**	**-12.6**	**-50.9**	**6.64**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	110	75.2	92.7	80.1	29.2	35.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,251**	**1,930**	**16.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,170	525	123%
Tiền và tương đương tiền	35.8	92.7	-61.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	785	0.13	594851%
Phải thu ngắn hạn	226	297	-24.0%
Hàng tồn kho	102	113	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	21.4	21.9	-2.5%
Tài sản dài hạn	**1,080**	**1,406**	**-23.1%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.01	-69.9%
Tài sản cố định	359	382	-5.8%
Bất động sản đầu tư	38.0	39.8	-4.3%
Tài sản dở dang	677	977	-30.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.34	1.32	1.9%
Tài sản dài hạn khác	**4.91**	**6.52**	**-24.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,009	905	11.4%
Nợ ngắn hạn	**749**	**748**	**0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	149	148	0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	169	170	-0.6%
Nợ dài hạn	260	157	65.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,242**	**1,025**	**21.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,242**	**1,025**	**21.1%**
Vốn điều lệ	789	789	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)